

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá Đạt/Không đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
3.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
<i>a. Khả năng đáp ứng yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa</i>	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp đáp ứng hoàn toàn yêu cầu quy định tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa.	Đạt
	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp không đáp ứng một trong các yêu cầu quy định tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa.	Không đạt
<i>b. Bảng chào về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu cung cấp</i>	Có bảng chào về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu cung cấp. Trong đó thể hiện thông số kỹ thuật chi tiết của tất cả hàng hóa cung cấp.	Đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bảng chào về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu cung cấp. Hoặc: - Có bảng chào về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu cung cấp nhưng không đầy đủ thông số kỹ thuật chi tiết của tất cả hàng hóa. 	Không đạt
3.2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
<i>Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</i>	Có thuyết minh trình bày về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, hợp lý, khả thi, phù hợp với phạm vi cung cấp của gói thầu.	Đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có thuyết minh. Hoặc: - Có thuyết minh trình bày về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với phạm vi cung cấp của gói thầu. 	Không đạt

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
3.3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
<i>a. Thời gian bảo hành</i>	Thời gian bảo hành của hàng hóa đáp ứng quy định tại Chương V.	Đạt
	Thời gian bảo hành của hàng hóa không đáp ứng quy định tại Chương V.	Không đạt
<i>b. Quy trình bảo hành, bảo trì</i>	Có thuyết minh mô tả về quy trình bảo hành, bảo trì hợp lý, khả thi và đáp ứng yêu cầu tại Chương V.	Đạt
	Không có hoặc có thuyết minh mô tả về quy trình bảo hành, bảo trì nhưng không hợp lý, không khả thi hoặc không đáp ứng yêu cầu tại Chương V.	Không đạt
3.4. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường và tác động đối với môi trường		
<i>a. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường</i>	Nhà thầu có cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu hoàn toàn đáp ứng về mặt địa lý, môi trường tại Việt Nam.	Đạt
	Nhà thầu có cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu hoàn toàn đáp ứng về mặt địa lý, môi trường tại Việt Nam, kể cả sau khi yêu cầu bổ sung, làm rõ).	Không đạt
<i>b. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</i> (Nhà thầu kê khai hoặc cam kết)	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường.	Đạt
	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và Nhà thầu có đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý, khả thi.	Chấp nhận được
	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và Nhà thầu không đề xuất biện pháp giải quyết hoặc biện pháp giải quyết không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
3.5. Các yếu tố về điều kiện thương mại, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		
<i>a. Các yếu tố về điều kiện thương mại</i>	Nhà thầu có cam kết hàng hóa và dịch vụ do nhà thầu cung cấp đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện thương mại.	Đạt

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	Nhà thầu không có cam kết hàng hóa và dịch vụ do nhà thầu cung cấp đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện thương mại.	Không đạt
b. Hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng	Có thuyết minh mô tả về giải pháp hỗ trợ kỹ thuật hợp lý, khả thi và đáp ứng yêu cầu tại Chương V.	Đạt
	Không có hoặc có thuyết minh mô tả về giải pháp hỗ trợ kỹ thuật nhưng không hợp lý, không khả thi hoặc không đáp ứng yêu cầu tại Chương V.	Không đạt
3.6. Tiến độ cung cấp hàng hóa	Thời gian cung cấp, lắp đặt hàng hóa \leq 150 ngày.	Đạt
	Thời gian cung cấp, lắp đặt hàng hóa $>$ 150 ngày.	Không đạt
3.7. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
a. Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng	Không có hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt do Nhà thầu vi phạm hợp đồng.	Đạt
	Nhà thầu có hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt do Nhà thầu vi phạm hợp đồng.	Không đạt
b. Chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (Nếu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không có thông tin về chất lượng hàng hóa tương tự của nhà thầu thì được đánh giá là Đạt)	Thông tin về chất lượng hàng hóa tương tự do nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu: - Chất lượng của hàng hóa trên thực tế “đúng/tốt hơn” so với quy định trong hợp đồng; - Không có lỗi phát sinh nghiêm trọng và đã khắc phục được các lỗi phát sinh hoặc thay thế hàng mới; - Tần suất hư hỏng, gặp sự cố của hàng hóa: “không có hoặc rất ít”. Chất lượng bảo hành, sửa chữa, khắc phục: “Tốt/đảm bảo”.	Đạt
	Thông tin về chất lượng hàng hóa tương tự do nhà thầu cung cấp không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chí tổng quát được đánh giá là không đạt.	Không đạt